

(Tiếp theo Công báo số 67 + 68)

QUY TRÌNH 4

Đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị thiêu hủy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5968/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác.	01	Bản chính
<p><u>Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác như sau:<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;+ Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác.- Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.			

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Trực tiếp: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả)	03 ngày làm việc.	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22

- Bộ phận Một cửa).		Luật Hợp tác xã 2023.
---------------------	--	-----------------------

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận Một cửa.
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - BM 02 - BM 03 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã trao cho người nộp hồ sơ, chuyển Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện tiếp B3. - Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.
B3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế hoạch	1,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Phiếu đề xuất - Dự thảo kết quả 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, số hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. - Xem xét, xử lý hồ sơ và đề xuất kết quả giải

					quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo xem xét.
B4	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch	01 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Phiếu đề xuất - BM 06 hoặc BM 04 	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét hồ sơ, ký duyệt Phiếu đề xuất và dự thảo kết quả; phê duyệt trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và chuyển chuyên viên in kết quả giải quyết hồ sơ. - Lãnh đạo Phòng ký Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác hoặc Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.
B5	Phát hành kết quả	Văn thư Phòng Tài chính - Kế hoạch	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Photo, đóng dấu kết quả. - Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.
B6	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).

5	BM 05	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác (Phụ lục III-6 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
6	BM 06	Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác (Phụ lục V-2 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT) <i>(Dùng trong trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác).</i>

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác (Phụ lục III-6 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
6	BM 06	Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác (Phụ lục V-2 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT) <i>(Dùng trong trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác)</i>
7	/	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.
- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.
- Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch

và Đầu tư công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 19/5/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức thu lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bãi bỏ các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu VI-1**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP HUYỆN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

GIẤY BIÊN NHẬN**Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã***(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)*

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày .../.../... đã nhận của Ông/Bà

Số định danh cá nhân:/Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*):
..... Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ số: về việc.....

Của tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
..... (*tên tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*); Mã số tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế: (*nếu có*)

Hồ sơ bao gồm:

1.

2.

3.

4.

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) hện Ông/Bà ngày .../.../.....
đến (Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) để được giải quyết theo quy định
của pháp luật.

NGƯỜI NỘP
(Ký và ghi họ tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký và ghi họ tên)

Mẫu VI-3

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP HUYỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã

Kính gửi: *(Tên tổ hợp tác/hợp tác xã)*

Địa chỉ trụ sở chính:

Mã số: *(Mã số tổ hợp tác/hợp tác*

xã/Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp

tác xã/Số Giấy chứng nhận đăng ký

kinh doanh)

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Sau khi xem xét hồ sơ đã nhận ngày tháng năm

của Ông/Bà:

là

về việc:

.....

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) đề nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau:

.....

.....

Ngày *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu III-6**TÊN TỔ HỢP TÁC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác**Kính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)*

Tên tổ hợp tác (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số tổ hợp tác/Mã số thuế:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác.

Lý do đề nghị cấp lại:

Tổ hợp tác cam kết thông tin kê khai trong Giấy đề nghị này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC*(Ký, ghi họ tên)¹*

¹ Cá nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân) ký trực tiếp vào phần này.

Mẫu V-2

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP HUYỆN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TỔ HỢP TÁC

(Dùng trong trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác)

(Nội dung cấp lại)

TRƯỞNG PHÒNG¹
(Đã ký)

Ghi chú: Được cấp lại ngày .../.../.....
TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

¹ Không có chữ ký, con dấu tại Mục này.

QUY TRÌNH 5**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5968/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
*	<i>Trường hợp đăng ký thay đổi: Tên tổ hợp tác; Địa chỉ trụ sở tổ hợp tác; Ngành, nghề kinh doanh; Tổng giá trị phần vốn góp</i>		
1	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác.	01	Bản chính
2	Biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác. <i>(Áp dụng khi thay đổi các nội dung: Tên tổ hợp tác; Địa chỉ trụ sở tổ hợp tác; Ngành, nghề kinh doanh; Tổng giá trị phần vốn góp)</i>	01	Bản sao hoặc bản chính
*	<i>Trường hợp thay đổi người đại diện tổ hợp tác</i>		
1	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác.	01	Bản chính
2	Biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thay đổi người đại diện.	01	Bản sao hoặc bản chính
3	Văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một cá nhân hoặc một pháp nhân làm người đại diện mới của tổ hợp tác.	01	Bản sao hoặc bản chính
*	<i>Trường hợp tổ hợp tác thay đổi thông tin đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, trừ thay đổi phương pháp tính thuế</i>		
1	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác.	01	Bản chính
<p><u>Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác như sau: + Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan 			

đến đăng ký tổ hợp tác. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

+ Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác.

- Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

- Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Trực tiếp: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Bộ phận Một cửa).	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận Một cửa.
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	- Theo mục I - BM 01 - BM 02 - BM 03	- Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã trao cho người nộp hồ sơ, chuyển Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện tiếp B3.

					<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.
B3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế hoạch	1,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Phiếu đề xuất - Dự thảo kết quả 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, số hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. - Xem xét, xử lý hồ sơ và đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo xem xét.
B4	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch	01 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Phiếu đề xuất - BM 06, BM 07 hoặc BM 04 	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét hồ sơ, ký duyệt Phiếu đề xuất và dự thảo kết quả; phê duyệt trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và chuyển chuyên viên in kết quả giải quyết hồ sơ. - Lãnh đạo Phòng ký Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác hoặc Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác hoặc Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.

B5	Phát hành kết quả	Văn thư Phòng Tài chính - Kế hoạch	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Photo, đóng dấu kết quả. - Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.
B6	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác (Phụ lục III-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
6	BM 06	Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác (Phụ lục V-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác (Phụ lục V-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).

3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác (theo mẫu) (Phụ lục III-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
6	BM 06	Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác (Phụ lục V-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
7	BM 07	Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác (Phụ lục V-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
8	/	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.
- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.
- Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.
- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 19/5/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức thu lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bãi bỏ các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu VI-1

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP HUYỆN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

GIẤY BIÊN NHẬN**Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã**

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày / / đã nhận của Ông/Bà

Số định danh cá nhân:/Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài):

Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ số: về việc

Của tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
 (tên tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh); Mã số tổ
 hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế: (nếu có)

Hồ sơ bao gồm:

1.

2.

3.

4.

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) hẹn Ông/Bà ngày / / đến (Tên
 Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

NGƯỜI NỘP
 (Ký và ghi họ tên)

NGƯỜI NHẬN
 (Ký và ghi họ tên)

Ngày (*Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện*) nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu III-3**TÊN TỔ HỢP TÁC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

... .., ngày... .. tháng... .. năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác**

(Dùng trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác,
đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác,
đề nghị đăng ký tổ hợp tác)

Kính gửi: (Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)¹

Tên tổ hợp tác (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số tổ hợp tác/Mã số thuế:

Lưu ý:

- Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác: Kê khai Mục A của biểu mẫu này;

- Trường hợp đăng ký cập nhật, bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký tổ hợp tác: Kê khai Mục B của biểu mẫu này;

- Trường hợp đăng ký đổi với tổ hợp tác thành lập trước ngày 01/7/2024 thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã năm 2023: Kê khai Mục C của biểu mẫu này.

¹ Trường hợp Tổ hợp tác đăng ký thay đổi trụ sở của Tổ hợp tác thì ghi tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác dự định đặt trụ sở mới. Các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Tổ hợp tác khác thì ghi tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi Tổ hợp tác đã đăng ký.

A. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ TỔ HỢP TÁC

Tổ hợp tác đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác như sau:

(Tổ hợp tác chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký thay đổi)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN TỔ HỢP TÁC

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):

Tên tổ hợp tác viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ TỔ HỢP TÁC

Địa chỉ trụ sở tổ hợp tác sau khi thay đổi:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực
thuộc Trung ương:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Email (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu tổ
hợp tác thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở).

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp tổ hợp tác đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký tổ hợp tác):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Chi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp tổ hợp tác đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký tổ hợp tác):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp tổ hợp tác đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký tổ hợp tác):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính (kê khai trong trường hợp tổ hợp tác đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký tổ hợp tác):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

Lưu ý:

Trường hợp tổ hợp tác thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, tổ hợp tác kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của tổ hợp tác thì tổ hợp tác kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

Đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác cho tổ hợp tác đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TỔNG GIÁ TRỊ PHẦN VỐN GÓP

Tổng giá trị phần vốn góp sau khi thay đổi:

Tổng giá trị phần vốn góp (*bằng số; VNĐ*):

Tổng giá trị phần vốn góp (*bằng chữ; VNĐ*):

Lý do thay đổi:

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐẠI DIỆN TỔ HỢP TÁC

Thông tin đại diện tổ hợp tác sau khi thay đổi:

Trường hợp đại diện tổ hợp tác sau khi thay đổi là cá nhân thì ghi:

Họ, chữ đệm và tên (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*):

Sinh ngày: / /

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với cá nhân là người nước ngoài*):

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (*nếu có*): Email (*nếu có*):

Trường hợp đại diện tổ hợp tác sau khi thay đổi là pháp nhân thì ghi:

Tên pháp nhân:

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp:

Họ, chữ đệm và tên của người đại diện hợp pháp của pháp nhân:

Sinh ngày: .../.../...

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

Thông tin đăng ký thuế sau khi thay đổi:

1. Địa chỉ nhận thông báo thuế (*chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác trụ sở*):

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (*nếu có*): Email (*nếu có*):

2. Ngày bắt đầu hoạt động³ (*trường hợp tổ hợp tác dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác thì không cần kê khai nội dung này*):/...../.....

3. Tổng số lao động:

Đề nghị (*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện*) cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác cho tổ hợp tác đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

³ Trường hợp Tổ hợp tác được cấp giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày Tổ hợp tác được cấp giấy chứng nhận đăng ký Tổ hợp tác.

B. ĐỀ NGHỊ CẬP NHẬT, BỔ SUNG, HIỆU ĐÍNH

Tổ hợp tác đề nghị cập nhật, bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký tổ hợp tác như sau:

.....
.....
.....

C. ĐĂNG KÝ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TỔ HỢP TÁC

(Dùng trong trường hợp đăng ký đối với tổ hợp tác thành lập trước ngày 01/7/2024 thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã)

Đăng ký tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Hợp tác xã với các thông tin như sau:

1. Tên tổ hợp tác:

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên tổ hợp tác viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Email (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh⁴:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

⁴ - Tổ Hợp tác có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Tổ hợp tác chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

4. Tổng giá trị phần vốn góp:

Tổng giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ):

Tổng giá trị phần vốn góp (bằng chữ; VNĐ):

5. Thông tin đăng ký thuế:

5.1. Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác trụ sở):

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

5.2. Ngày bắt đầu hoạt động:/...../.....

5.3. Tổng số lao động:

5.4. Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp):

Khấu trừ Trực tiếp trên GTGT Trực tiếp trên doanh số Không phải nộp thuế GTGT **6. Số lượng thành viên:**

Danh sách thành viên tổ hợp tác: Gửi kèm (kê khai theo mẫu Mẫu III-2)

7. Đại diện tổ hợp tác:**Trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân thì ghi:**

Họ, chữ đệm và tên (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Sinh ngày: /...../

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá

nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch: Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (<i>đối với cá nhân là người nước ngoài</i>): Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Nơi thường trú: Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Nơi ở hiện tại: Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Điện thoại (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):

Trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân thì ghi:

Tên pháp nhân:
 Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương:
 Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp:
 Người đại diện hợp pháp của pháp nhân:
 Sinh ngày: .../.../...
 Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính:	Dân tộc:	Quốc tịch:
Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):		
Ngày cấp: .../.../.... Nơi cấp:		
Nơi thường trú:		
Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:		
Tổ/xóm/ấp/thôn:		
Xã/Phường/Thị trấn:		
Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:		
Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:		
Nơi ở hiện tại:		
Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:		
Tổ/xóm/ấp/thôn:		
Xã/Phường/Thị trấn:		
Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:		
Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:		
Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):		

Tổ hợp tác cam kết thông tin kê khai trong Giấy đề nghị này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị này

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC
(Ký và ghi họ tên)⁵

⁵ Cá nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân (trong trường hợp đại diện Tổ hợp tác là pháp nhân) ký trực tiếp vào phần này.

Mẫu V-1**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CẤP HUYỆN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TỔ HỢP TÁC**

Mã số tổ hợp tác:

Đăng ký lần đầu, ngày... .. tháng... .. năm... ..

Đăng ký thay đổi lần thứ:, ngày... .. tháng... .. năm... ..

1. Tên tổ hợp tác:Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):Tên tổ hợp tác viết tắt (*nếu có*):**2. Địa chỉ trụ sở:**

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

3. Tổng giá trị phần vốn góp:**4. Đại diện tổ hợp tác:*****Trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân thì ghi:***Họ, chữ đệm và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):

Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:/Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy
tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước
ngoài*): Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

Trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân thì ghi:

Tên pháp nhân:

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp:

Người đại diện hợp pháp của pháp nhân:

Họ, chữ đệm và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):

Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:/Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*):

..... Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu V-3**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****CẤP HUYỆN****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN**Về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác**

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Xác nhận:

Tên tổ hợp tác (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số tổ hợp tác/Mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở:

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác đến (Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) với các thông tin đã được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã như sau (ghi thông tin sau khi tổ hợp tác thông báo thay đổi và được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chấp thuận):

Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính

Thông tin đăng ký thuế:

- Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở):

Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

- Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp tổ hợp tác dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....

- Tổng số lao động (dự kiến):

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ của tổ hợp tác;

-

- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

QUY TRÌNH 6**Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5968/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
*	* Trường hợp tổ hợp tác phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác		
1	Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin.	01	Bản chính
*	* Trường hợp tổ hợp tác phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã		
1	Văn bản đề nghị bổ sung, hiệu đính.	01	Bản chính
2	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác.	01	Bản sao
3	Giấy chứng nhận đăng ký thuế.	01	Bản sao
<p>Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; + Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác. - Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác thì việc ủy quyền thực hiện 			

theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP.

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Trực tiếp: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Bộ phận Một cửa).	03 ngày làm việc kể từ nhận được hồ sơ hợp lệ.	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận Một cửa.
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	- Theo mục I - BM 01 - BM 02 - BM 03	- Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã trao cho người nộp hồ sơ, chuyển Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện tiếp B3. - Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.
B3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên	1,5 ngày làm việc	- Theo mục I - BM 01	- Nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, số

		Phòng Tài chính - Kế hoạch		<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu đề xuất - Dự thảo kết quả 	<p>hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem xét, xử lý hồ sơ và đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo xem xét.
B4	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch	01 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - BM 01 - Phiếu đề xuất - BM 06 hoặc BM 04 	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét hồ sơ, ký duyệt Phiếu đề xuất và dự thảo kết quả; phê duyệt trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và chuyên viên in kết quả giải quyết hồ sơ. - Lãnh đạo Phòng ký Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác (<i>trong trường hợp hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác chưa chính xác</i>) hoặc Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã. - Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã (<i>trong trường hợp phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác cần hiệu</i>

					<i>đính, cập nhật bổ sung thông tin).</i>
B5	Phát hành kết quả	Văn thư Phòng Tài chính - Kế hoạch	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Photo, đóng dấu kết quả. - Chuyên kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.
B6	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác (Phụ lục III-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
6	BM 06	Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác (Phụ lục V-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).

4	BM 04	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác (theo mẫu) (Phụ lục III-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
6	BM 06	Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác (Phụ lục V-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
7	/	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.

- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

- Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 19/5/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức thu lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bãi bỏ các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu VI-1**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****CẤP HUYỆN****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

GIẤY BIÊN NHẬN**Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã***(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)*

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày / / đã nhận của Ông/Bà

Số định danh cá nhân: /Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài):

Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ số: về việc

Của tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
(tên tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh); Mã số tổ
hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế: *(nếu có)*

Hồ sơ bao gồm:

1.

2.

3.

4.

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) hẹn Ông/Bà ngày / / đến *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* để được giải quyết theo quy định của pháp luật.**NGƯỜI NỘP**
*(Ký và ghi họ tên)***NGƯỜI NHẬN**
(Ký và ghi họ tên)

Mẫu VI-3

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CẤP HUYỆN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã

Kính gửi: *(Tên tổ hợp tác/hợp tác xã)*

Địa chỉ trụ sở chính:

Mã số: *(Mã số tổ hợp tác/hợp tác xã/Số*

Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Số

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện):.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Sau khi xem xét hồ sơ đã nhận ngày tháng năm

của Ông/Bà:

là

về việc:

.....

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) đề nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau:

.....

.....

Ngày *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu III-3**TÊN TỔ HỢP TÁC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác**

*(Dùng trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác,
đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác,
đề nghị đăng ký tổ hợp tác)*

Kính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)*¹Tên tổ hợp tác *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số tổ hợp tác/Mã số thuế:

Lưu ý:

- Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác: Kê khai Mục A của biểu mẫu này;

- Trường hợp đăng ký cập nhật, bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký tổ hợp tác: Kê khai Mục B của biểu mẫu này;

- Trường hợp đăng ký đối với tổ hợp tác thành lập trước ngày 01/7/2024 thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã năm 2023: Kê khai Mục C của biểu mẫu này.

A. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ TỔ HỢP TÁC**Tổ hợp tác đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác như sau:**

(Tổ hợp tác chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký thay đổi)

¹ Trường hợp Tổ hợp tác đăng ký thay đổi trụ sở của Tổ hợp tác thì ghi tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi Tổ hợp tác dự định đặt trụ sở mới. các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Tổ hợp tác khác thì ghi tên cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi Tổ hợp tác đã đăng ký.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN TỔ HỢP TÁC

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):

Tên tổ hợp tác viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ TỔ HỢP TÁC

Địa chỉ trụ sở tổ hợp tác sau khi thay đổi:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực
thuộc Trung ương:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Email (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu tổ
hợp tác thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH²

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp tổ hợp tác đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký tổ hợp tác):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Chi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp tổ hợp tác đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký tổ hợp tác):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp tổ hợp tác đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký tổ hợp tác):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

² - Hợp tác xã, Liên Hiệp hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại điều 6 luật đầu tư;

- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hợp tác xã, Liên Hiệp hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính (kê khai trong trường hợp tổ hợp tác đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký tổ hợp tác):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành	Ghi chú (Nếu có)

Lưu ý:

Trường hợp tổ hợp tác thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, tổ hợp tác kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của tổ hợp tác thì tổ hợp tác kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

Đề nghị (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác cho tổ hợp tác đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TỔNG GIÁ TRỊ PHẦN VỐN GÓP

Tổng giá trị phần vốn góp sau khi thay đổi:

Tổng giá trị phần vốn góp (*bằng số; VNĐ*):

Tổng giá trị phần vốn góp (*bằng chữ; VNĐ*):

Lý do thay đổi:

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐẠI DIỆN TỔ HỢP TÁC

Thông tin đại diện tổ hợp tác sau khi thay đổi:

Trường hợp đại diện tổ hợp tác sau khi thay đổi là cá nhân thì ghi:

Họ, chữ đệm và tên (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*):

Sinh ngày: / /

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với cá nhân là người nước ngoài*):

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (*nếu có*): Email (*nếu có*):

Trường hợp đại diện tổ hợp tác sau khi thay đổi là pháp nhân thì ghi:

Tên pháp nhân:

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp:

Họ, chữ đệm và tên của người đại diện hợp pháp của pháp nhân:

Sinh ngày: .../.../...

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với cá nhân là người nước ngoài*):

Ngày cấp: .../.../.... Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (*nếu có*): Email (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

Thông tin đăng ký thuế sau khi thay đổi:

1. Địa chỉ nhận thông báo thuế (*chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác trụ sở*):

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (*nếu có*): Email (*nếu có*):

2. Ngày bắt đầu hoạt động³ (*trường hợp tổ hợp tác dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác thì không cần kê khai nội dung này*):/...../.....

3. Tổng số lao động:

Đề nghị (*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện*) cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác cho tổ hợp tác đối với các thông tin thay đổi nêu trên.

³ Trường hợp tổ Hợp tác được cấp giấy chứng nhận đăng ký Tổ hợp tác sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày Tổ hợp tác được cấp giấy chứng nhận đăng ký Tổ hợp tác.

B. ĐỀ NGHỊ CẬP NHẬT, BỔ SUNG, HIỆU ĐÍNH

Tổ hợp tác đề nghị cập nhật, bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký tổ hợp tác như sau:

.....
.....
.....

C. ĐĂNG KÝ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TỔ HỢP TÁC

(Dùng trong trường hợp đăng ký đối với tổ hợp tác thành lập trước ngày 01/7/2024 thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã)

Đăng ký tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Hợp tác xã với các thông tin như sau:

1. Tên tổ hợp tác:

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên tổ hợp tác viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở:

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại: Email (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh⁴:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

4. Tổng giá trị phần vốn góp:

Tổng giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ):

⁴ - Tổ hợp tác có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
 - Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại điều 6 luật đầu tư;
 - Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Tổ hợp tác chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

Tổng giá trị phần vốn góp (bằng chữ; VNĐ):

5. Thông tin đăng ký thuế:

5.1. Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác trụ sở):

Số nhà/phòng, ngách (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

5.2. Ngày bắt đầu hoạt động:/...../.....

5.3. Tổng số lao động:

5.4. Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp):

Khấu trừ

Trực tiếp trên GTGT

Trực tiếp trên doanh số

Không phải nộp thuế GTGT

6. Số lượng thành viên:

Danh sách thành viên tổ hợp tác: Gửi kèm (kê khai theo mẫu Mẫu III-2)

7. Đại diện tổ hợp tác:

Trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân thì ghi:

Họ, chữ đệm và tên (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Sinh ngày: / /

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với cá nhân là người nước ngoài*):

Ngày cấp: .../.../.... Nơi cấp:

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ:

Tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại (*nếu có*): Email (*nếu có*):

Trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân thì ghi:

Tên pháp nhân:

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp:

Người đại diện hợp pháp của pháp nhân:

Sinh ngày: .../.../...

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân thì đề nghị kê khai các thông tin cá

nhân dưới đây:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch: Số CMND/Hộ chiếu/Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài): Ngày cấp: .../.../.... Nơi cấp: Nơi thường trú: Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Nơi ở hiện tại: Số nhà/phòng, gác (hẻm), ngõ (kiệt), đường/phố/đại lộ: Tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương: Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương: Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

Tổ hợp tác cam kết thông tin kê khai trong Giấy đề nghị này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị này

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC
(Ký và ghi họ tên)⁵

⁵ Cá nhân (trong trường hợp đại diện Tổ hợp tác là cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân (trong trường hợp đại diện Tổ hợp tác là pháp nhân) ký trực tiếp vào phần này.

Mẫu V-1

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP HUYỆN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TỔ HỢP TÁC

Mã số tổ hợp tác:

Đăng ký lần đầu, ngày... .. tháng... .. năm... ..

Đăng ký thay đổi lần thứ:, ngày... .. tháng... .. năm... ..

1. Tên tổ hợp tác:Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):Tên tổ hợp tác viết tắt (*nếu có*):**2. Địa chỉ trụ sở:**

Điện thoại:Fax:

Email:Website:

3. Tổng giá trị phần vốn góp:**4. Đại diện tổ hợp tác:*****Trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân thì ghi:***Họ, chữ đệm và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):

Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:/Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy
tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước
ngoài*): Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

Trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân thì ghi:

Tên pháp nhân:

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/giấy tờ có giá

trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp:

Người đại diện hợp pháp của pháp nhân:

Họ, chữ đệm và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):

Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:/Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (*đối với người đại diện là người nước ngoài*):

..... Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

TRƯỞNG PHÒNG

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

QUY TRÌNH 7

Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5968/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
*	<i>Đối với trường hợp hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh</i>		
1	Thông báo tạm ngừng kinh doanh.	01	Bản chính
2	Biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc tạm ngừng kinh doanh.	01	Bản sao hoặc bản chính
*	<i>Đối với trường hợp hồ sơ thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại</i>		
1	Thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại.	01	Bản chính
<p>Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cá nhân ký tên tại văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm theo hồ sơ phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; + Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ, giấy giới thiệu hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký tổ hợp tác. - Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác qua dịch vụ bưu chính công ích, khi thực hiện thủ tục, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký. - Trường hợp ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính không phải là bưu chính công ích thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP. 			

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Trực tiếp: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Bộ phận Một cửa).	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận Một cửa.
B2	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	- Theo mục I - BM 01 - BM 02 - BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã trao cho người nộp hồ sơ, chuyển Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện tiếp B3. - Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.
B3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Tài chính -	1,5 ngày làm việc	- Theo mục I - BM 01 - Phiếu đề	- Nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ, số hóa, đặt tên văn bản điện tử tương ứng với tên loại

		Kế hoạch		xuất - Dự thảo kết quả	giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. - Xem xét, xử lý hồ sơ và đề xuất kết quả giải quyết hồ sơ, trình Lãnh đạo xem xét.
B4	Xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch	01 ngày làm việc	- Theo mục I - BM 01 - Phiếu đề xuất - BM 06 hoặc BM 04	- Xem xét hồ sơ, ký duyệt Phiếu đề xuất và dự thảo kết quả; phê duyệt trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và chuyển chuyên viên in kết quả giải quyết hồ sơ. - Lãnh đạo Phòng ký Giấy xác nhận về việc tổ hợp tác thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trở lại hoặc Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.
B5	Phát hành kết quả	Văn thư Phòng Tài chính - Kế hoạch	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Photo, đóng dấu kết quả. - Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.
B6	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trở lại của tổ hợp tác (Phụ lục III-4 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
6	BM 06	Giấy xác nhận về việc tổ hợp tác thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trở lại (Phụ lục V-4 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/ hợp tác xã (Phụ lục VI-1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP).
4	BM 04	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã (Phụ lục VI-3 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
5	BM 05	Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trở lại của tổ hợp tác (Phụ lục III-4 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
6	BM 06	Giấy xác nhận về việc tổ hợp tác thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trở lại (Phụ lục V-4 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT).
7	/	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo quy định pháp luật hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023.

- Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

- Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, thủ tục hành chính bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 19/5/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định mức thu lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bãi bỏ các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu VI-1

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP HUYỆN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày tháng năm

GIẤY BIÊN NHẬN**Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã**

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày / / đã nhận của Ông/Bà

Số định danh cá nhân: /Số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với người đại diện là người nước ngoài):

Ngày cấp: ... Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

01 bộ hồ sơ số: về việc

Của tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh
(tên tổ hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh); Mã số tổ
 hợp tác/hợp tác xã/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế: *(nếu có)*

Hồ sơ bao gồm:

1.

2.

3.

4.

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) hẹn Ông/Bà ngày / / đến *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)* để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

NGƯỜI NỘP
(Ký và ghi họ tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký và ghi họ tên)

Mẫu VI-3

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP HUYỆN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO**Về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã**Kính gửi: *(Tên tổ hợp tác/hợp tác xã)*

Địa chỉ trụ sở chính:

Mã số: *(Mã số tổ hợp tác/hợp tác xã/Số**Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Số**Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)**(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện):*.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Sau khi xem xét hồ sơ đã nhận ngày tháng năm

của Ông/Bà:

là

về việc:

.....

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện) đề nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau:

.....

.....

Ngày (*Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện*) nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký tổ hợp tác/hợp tác xã.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu III-4**TÊN TỔ HỢP TÁC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

... .., ngày... .. tháng... .. năm

THÔNG BÁO**Về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trở lại của tổ hợp tác**Kính gửi: *(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện)*Tên tổ hợp tác *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số tổ hợp tác/Mã số thuế:

Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trở lại như sau:**1. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh thì ghi:**

Thời gian tạm ngừng kinh doanh: kể từ ngày .../.../... đến hết ngày .../.../....

Lý do tạm ngừng kinh doanh:

2. Trường hợp tiếp tục kinh doanh trở lại thì ghi:

Thời gian tiếp tục kinh doanh: kể từ ngày tháng năm

Lý do tiếp tục kinh doanh:

Tổ hợp tác cam kết thông tin kê khai trong Thông báo này là hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC*(Ký, ghi họ tên)¹*

¹ Cá nhân (trong trường hợp đại diện Tổ hợp tác là cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân (trong trường hợp đại diện Tổ hợp tác là pháp nhân) ký trực tiếp vào phần này.

Mẫu V-4

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP HUYỆN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: , ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN

**Về việc tổ hợp tác thông báo tạm ngừng kinh doanh/
 tiếp tục kinh doanh trở lại**

(Tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Xác nhận:

1. Trường hợp thông báo tạm ngừng kinh doanh thì ghi:

Tên tổ hợp tác (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số tổ hợp tác/Mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở:

Thông báo tạm ngừng kinh doanh kể từ ngày .../.../... đến hết ngày .../.../...

Lý do tạm ngừng kinh doanh:

2. Trường hợp thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại thì ghi:

Tên tổ hợp tác (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số tổ hợp tác/Mã số thuế:

Địa chỉ trụ sở:

Thông báo tiếp tục kinh doanh trở lại kể từ ngày tháng năm

Lý do tiếp tục kinh doanh trở lại:

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ của tổ hợp tác;

-

- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

(Xem tiếp Công báo số 71 + 72)